TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **53**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và ông Lê Đình Khôi

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 324/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số nhà 100, tổ 1, ấp 1, xã T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu 9, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai

(Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/3/2019 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Tân Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Chị và anh T chung sống đến tháng 11/2021 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi vã với nhau, không còn sự tôn trọng với nhau nữa. Chị và anh T đã sông ly thân từ đó cho đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về nuôi con: Chị L trình bày có 01 (Một) con chung là Trần Khánh D, sinh ngày 02/9/2017. Kể từ khi ly thân cháu D cho chị trực tiếp nuôi Dõng, nay chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi Dõng cháu D và không yêu cầu anh T phải cấp Dõng nuôi con.

- Về tài sản: Chị L trình bày chị và anh T không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Trần Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Trúc L kết hôn tự nguyện và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định là đúng sự thật. Cuộc sống vợ chồng

tôi chung sống hạnh phúc đến tháng 09/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng mâu thuẫn về sinh hoạt chung trong gia đình, do chị L có công việc mới là môi giới bất động sản dẫn đến bỏ bê công việc gia đình. Vợ chồng chồng đã quyết định sống ly thân từ tháng 09/2021 cho đến nay. Theo như anh đánh giá thì chuyện tình cảm vợ chồng không còn mặn nồng như ngày xưa, chắc bên vợ anh chê tôi nghèo. Nay chị Nguyễn Thị Trúc L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn, lý do anh vẫn còn yêu thương vợ con.

- Về nuôi con: Có 01 (một) con chung là Trần Khánh D, sinh ngày 02/9/2017. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L thì anh đồng ý giao cháu D cho chị L được trực tiếp nuôi Dõng. Chị L không yêu cầu cấp Dõng cho con thì anh cũng đồng ý

- Về tài sản: Anh và chị L không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý chính đáng nên đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L.

- Về hôn nhân: Cho chị L được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Giao cho chị L trực tiếp nuôi con chung.

- Về mức cấp Dõng nuôi con: Do chị L không yêu cầu anh T cấp Dõng nuôi con chung nên đề nghị không xem xét

- Về tài sản: Anh chị trình bày tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Trần Văn T có nơi cư trú tại thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Trúc L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Trần Văn T, tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1.3] Về xác định tư cách đương sự chị L là nguyên đơn và anh T là bị đơn, quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.4] Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn do có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/3/2019. Như vậy hôn nhân của chị L và anh T là hợp pháp.

Theo lời trình bày của chị L thì vợ chồng sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng về quan điểm, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường hay cự cãi với nhau dẫn đến thiếu tôn trọng nhau vì vậy chị L yêu cầu được ly hôn với anh T. Theo lời trình bày của anh T thì cuộc sống vợ chồng tuy có những mâu thuẫn mà chị L đã nêu dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay, tuy nhiên anh T không đồng ý yêu cầu ly hôn, của chị L với lý do anh vẫn còn yêu thương vợ con.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác cho thấy hôn nhân giữa chị L và anh T không có hạnh phúc, anh chị đã không còn chung sống với nhau nữa. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, chị L và anh T đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về nuôi con: Chị L và anh T có 01 con chung Trần Khánh D, sinh ngày 02/9/2017. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng nuôi Dỡng chăm sóc cháu D mà không yêu cầu anh T phải cấp Dỡng nuôi con. Tại phiên tòa anh T, chị L đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của các bên về việc nuôi con, tuy nhiên quá trình giải quyết anh T đã đồng ý giao cháu D cho chị L nuôi Dỡng, hiện tại cháu D đang do chị L nuôi Dỡng vì vậy tiếp tục giao cháu D cho chị L chăm sóc nuôi Dỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử xét ghi nhận sự thỏa thuận về nuôi con chung của các bên là có cơ sở. Chị L không yêu cầu anh T cấp Dỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xét không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T trình bày anh chị không có về tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trúc L.

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị Trúc L trực tiếp nuôi con chung là Trần Khánh D – sinh ngày 02/9/2017,

- Về cấp Dỡng nuôi con: Không xem xét

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp Dỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002135 ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (Số 28, ngày 05/3/2019) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Hà Văn Phi